

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **407/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/12/2021

V/v: “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

2. Ông **Châu Văn Bình**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Dương Kim Cương** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* ông **Phạm Minh Thanh** Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn số 156/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** **Phạm Thị Mỹ A, sinh năm 1973**

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang

2. **Bị đơn:** **Dương D B, sinh năm 1972**

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** **Trần Thị C, sinh năm 1938.** Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang

(chị A có mặt, anh B và bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn **Phạm Thị Mỹ A** trình bày: chị và anh B qua tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới năm 2018, có đăng ký kết hôn và được UBND xã N1 cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26 ngày 11/4/2018. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm nguyên nhân do anh B không quan tâm gia đình, thường xảy ra mâu thuẫn, chửi mắng nhau tình cảm vợ chồng dần dần phai

nhật. Anh, chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: chị và anh B có 01 con chung tên Dương Yến Hoàng D, sinh ngày 13.02.2018, hiện con đang sống cùng anh, chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: chị và anh B không có tài sản chung.

- Về nợ chung: chị và anh B không có nợ chung.

Đối với số tiền nợ 40.000.000 đồng mà mẹ của chị là bà C yêu cầu trả nợ là tiền nợ riêng của anh B chứ không phải nợ chung của vợ chồng nên chị không có trách nhiệm trong số nợ này. Anh B mượn để đem về cho em của anh B mượn lại, anh hẹn 3 ngày trả nhưng anh cứ hẹn hoài không trả và kéo dài cho đến nay.

* Bị đơn Dương D B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* *Tại biên đơn khởi kiện và tại biên bản hòa giải, người liên quan quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Trần Thị C trình bày:* Năm 2012, B có mượn của bà số tiền 40.000.000 đồng để B đem về cho cha và em của B mượn lại và hứa 03 ngày sẽ trả lại nhưng đến hẹn không trả mà hẹn hoài đến nay. Nay A và B ly hôn với nhau, bà yêu cầu B phải trả cho bà số tiền này.

Ngày 01/12/2021, bà có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh B.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc rút đơn khởi kiện độc lập của bà C là tự nguyện, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị A và anh B tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới vào năm 2018. Ngày 11/4/2018, anh, chị có đăng ký và được UBND xã N1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị A xin ly hôn với anh B, anh B cư trú tại ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Anh Dương D B vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để dự phiên tòa đến lần thứ hai; bà Trần Thị C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh B và bà C.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng anh, chị không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh, chị tuy sống chung nhà nhưng không cả hai không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm dẫn đến chị A xin ly hôn. Anh B được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để trình bày ý kiến, dự hòa giải, dự phiên tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh vẫn vắng mặt không đến, điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị A xin ly hôn là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A, chị A được ly hôn với anh B.

[4] Về con chung: chị A và anh B có một nhận nuôi con nuôi đối với cháu Dương Yến Hoàng D, sinh ngày 13.02.2018 theo đúng thủ tục của pháp luật, hiện cháu D đang sống cùng anh, chị.

Xét thấy, cháu Dương Yến Hoàng D được pháp luật công nhận là con chung của anh B, chị A và hiện cháu đang sống ổn định cùng chị A, hơn nữa cháu D còn nhỏ. Do đó, để đảm bảo cho cháu D có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp điều kiện chăm sóc, hoàn cảnh cuộc sống của các bên và phù hợp quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, bắt đầu khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành vì anh B đi làm thuê, thu nhập hàng tháng ổn định. Anh B vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên...*”, do đó, việc chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định của pháp luật. Nhận thấy, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng mà chị A yêu cầu là phù hợp với thu nhập thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: anh B vắng mặt, chị A trình bày vợ chồng chị không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì

thể Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Đối với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị C: Bà C khởi kiện độc lập yêu cầu anh B trả lại cho bà số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 01.12.2021, bà C có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với anh B. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà C được quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết lại ở vụ án khác.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị A phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà C thuộc diện được miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn lại án phí.

[9] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị A có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng anh B và bà C vắng mặt, tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

[10] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận; đối với việc rút đơn khởi kiện độc lập của bà C là tự nguyện, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 217, Điều 218, Điều 219; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ A.**

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ A được ly hôn với anh Dương D B

2. Về con chung:

Chị Phạm Thị Mỹ A được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Dương Yến Hoàng D, sinh ngày 13.02.2018;

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

Anh Dương D B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Dương Yến Hoàng D mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), bắt đầu cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành.

Kể từ khi chị Phạm Thị Mỹ A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Dương D B chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Trần Thị C.

Bà C được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Mỹ A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004786 ngày 31.3.2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị A đã nộp xong án phí.

Anh Dương D B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị A có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng anh B và bà C, tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N1;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phạm Văn Tài

